

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DẠP CẦU

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

(đã được soát xét)



NỘI DUNG

Trang	02 - 03	Báo cáo của Tổng Giám đốc
	04 - 05	Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ
	06 - 35	Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét
	06 - 07	Bảng cân đối kê toàn hợp nhất giữa niên độ
	08	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ
	09	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ
	10 - 35	Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phân ảnh hưởng, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Tổng giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Tổng giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Công ty TNHH Hàng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Bà Nguyễn Thị Cẩm Vân	Trưởng ban	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 21/04/2023)
Bà Nguyễn Việt Hà	Thành viên	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 21/04/2023)
Ông Trần Trọng Đại	Thành viên	Thành viên	
Ông Phạm Văn Chương	Thành viên	Thành viên	

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Hoàng Kim Bông	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Kim Bông	Chủ tịch	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 21/04/2023)
Ông Nguyễn Thế Chính	Thành viên	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 21/04/2023)
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 21/04/2023)
Ông Hà Bá Phong	Thành viên	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 21/04/2023)
Ông Đỗ Xuân Quang	Thành viên	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 21/04/2023)
Ông Nguyễn Hữu Luật	Thành viên	Thành viên	
Ông Nguyễn Bảo Linh	Thành viên	Thành viên	

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Trụ sở chính của Công ty tại phường Vũ Ninh, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Công ty Cổ phần Kinh Đập Cầu được cổ phần hóa từ Công ty Kinh Viglacera Đập Cầu theo Quyết định số 942/QĐ-BXD ngày 14/06/2004 của Bộ Xây dựng và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 2103000093, đăng ký lần đầu ngày 03/02/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp. Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Viglacera Đập Cầu thành Công ty Cổ phần Kinh Đập Cầu. Đến nay, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đã được cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 19/07/2021.

CÔNG TY

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh Đập Cầu (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Tổng giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kê toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kê toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Cam kết khác

Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Hoàng Kim Bông
Bắc Ninh, ngày 04 tháng 08 năm 2023

BẢO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TẠI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh Đập Cầu

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Kinh Đập Cầu được lập ngày 04 tháng 08 năm 2023, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Tổng giám đốc

Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Kinh Đập Cầu chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kinh Đập Cầu tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề cần nhân mạnh

Tại thời điểm 30/06/2023, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty là 59,59 tỷ VND, số lũy kế là 318,31 tỷ VND tương ứng 106,10% vốn góp của chủ sở hữu, nợ quá hạn chưa thanh toán là 47,96 tỷ VND (Thuyết minh số 12, 15, 16) và thuế quá hạn chưa thanh toán là 7,92 tỷ (Thuyết minh số 14). Những sự kiện này, cùng với các vấn đề được nêu ở Thuyết minh số 1, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trong yếu tố dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 vẫn được trình bày trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục.

Vấn đề cần nhân mạnh này không làm thay đổi kết luận chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

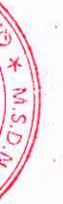
Báo cáo về các yêu cầu khác của pháp luật và các quy định

Nghi quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty số 01/2023/KBCD-DHCD ngày 21/04/2023 đã thông qua nội dung " Chủ tịch Hội đồng quản trị kiểm tra Tổng Giám đốc ". Tuy nhiên, theo quy định tại Khoản 2 Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ ban hành về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc (giám đốc) của 01 công ty đại chúng. Vào ngày 28/04/2023, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) đã ban hành công văn số 880/SGDHN-QLNY gửi cho Công ty về việc tuân thủ quy định quản trị công ty. Ngày 11/05/2023 Công ty cũng đã có công văn số 20/KBCD-TCKT gửi cho HNX để giải trình về vấn đề này và đang trong quá trình sắp xếp lại nhân sự theo đúng quy định.

Công ty TNHH Hàng Kiểm toán AASC



Phạm Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
Kiểm toán số: 0777-2023-002-1
Hà Nội, ngày 04 tháng 08 năm 2023



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mã TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
		VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		40.824.846.788	42.294.419.154
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	6.356.364.716	7.117.583.905
111	1. Tiền	1.303.208.911	2.476.246.918
112	2. Các khoản tương đương tiền	5.053.155.805	4.641.336.987
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.000.000.000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	11.391.900.299	12.435.067.916
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	22.596.909.823	23.378.032.107
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	569.180.121	434.493.772
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	4.261.020.726	4.130.654.156
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(16.035.210.371)	(15.508.112.119)
140	IV. Hàng tồn kho	18.646.450.538	19.205.572.006
141	1. Hàng tồn kho	35.587.866.483	37.399.824.911
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(16.941.415.945)	(18.194.252.905)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác	3.430.131.235	3.536.195.327
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	24.586.250	10.667.252
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	3.405.544.985	3.525.528.075
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN	85.874.127.742	92.188.606.242
220	I. Tài sản cố định	65.469.920.180	71.484.758.127
221	1. Tài sản cố định hữu hình	65.469.920.180	71.484.758.127
222	- Nguyên giá	404.048.121.090	404.048.121.090
223	- Giá trị hao mòn lũy kế	(338.578.200.910)	(332.563.362.963)
250	II. Đầu tư tài chính dài hạn	1.570.000.522	1.508.836.829
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	826.401.344	826.401.344
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	1.500.000.000	1.500.000.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(756.400.822)	(817.564.515)
260	III. Tài sản dài hạn khác	18.834.207.040	19.195.011.286
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	18.834.207.040	19.195.011.286
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	126.698.974.530	134.483.025.396

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

(Tiếp theo)

Mã	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		VND 101.894.335.334	VND 100.219.872.024
310	I. Nợ ngắn hạn		100.412.583.484	90.256.364.326
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	59.997.315.677	55.583.215.509
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	2.607.471.464	2.855.059.504
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	9.703.263.393	9.145.484.728
314	4. Phải trả người lao động		2.085.492.241	2.620.571.146
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		414.936.644	720.239.508
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	10.776.876.862	10.190.698.705
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	14.827.227.203	9.141.095.226
330	II. Nợ dài hạn		1.481.751.850	9.963.507.698
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	16	1.481.751.850	9.963.507.698
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		24.804.639.196	34.263.153.372
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	24.804.639.196	34.263.153.372
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		300.000.000.000	300.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		300.000.000.000	300.000.000.000
413	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		43.118.293.083	43.118.293.083
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(318.313.653.887)	(308.855.139.711)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(308.855.139.711)	(295.417.300.923)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		(9.458.514.176)	(13.437.838.788)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		126.698.974.530	134.483.025.396



Hoàng Thị Hằng
 Phụ trách kế toán

Hoàng Kim Bông
 Tổng Giám đốc

Bắc Ninh, ngày 04 tháng 06 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Mã CHI TIẾT	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
		VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.273.648.934	24.267.967.934
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	360.608.108	912.848.614
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.913.040.826	23.355.119.320
11	4. Giá vốn hàng bán	19.419.270.123	20.745.014.023
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	493.770.703	2.610.105.297
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	140.188.943	983.774
22	7. Chi phí tài chính	913.858.302	1.032.110.771
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	964.444.819	709.972.009
24	8. Chi phí bán hàng	1.750.688.219	1.820.163.591
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.815.685.748	3.871.917.911
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(5.846.272.623)	(4.113.103.202)
31	11. Thu nhập khác	26.634.000	9.504
32	12. Chi phí khác	3.638.875.553	3.659.539.582
40	13. Lợi nhuận khác	(3.612.241.553)	(3.659.530.078)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(9.458.514.176)	(7.772.633.280)
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN	(9.458.514.176)	(7.772.633.280)
61	17. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	(9.458.514.176)	(7.772.633.280)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(315)	(259)

Hoàng Thị Hằng

Hoàng Thị Hằng

Hoàng Thị Hằng

Phụ trách kế toán

Người lập biểu

Hoàng Kim Bông

Tổng Giám đốc

Bắc Ninh, ngày 04 tháng 08 năm 2023



(Handwritten signature)

(Handwritten signature)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã	CHI TIÊU	Thuyết minh
số		
	6 tháng đầu	6 tháng đầu
	năm 2022	năm 2023
	VND	VND

01	1. Lợi nhuận trước thuế	(9.458.514.176)	(7.772.633.280)
02	2. Điều chỉnh cho các khoản		
	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	6.014.837.947	6.016.030.969
03	- Các khoản dự phòng	(786.902.401)	(155.624.962)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	10.577.176	261.847.196
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	(140.188.943)	(983.774)
06	- Chi phí lãi vay	964.444.819	709.972.009
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(3.395.745.578)	(941.391.842)
09	trước thay đổi vốn lưu động	636.052.455	957.890.438
10	- Tăng, giảm các khoản phải thu	1.811.958.428	570.643.535
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả	3.858.287.690	1.122.837.333
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước	346.885.248	344.803.368
14	- Tiền lãi vay đã trả	(363.233.550)	(533.121.731)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	2.894.204.693	1.521.661.101
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
23	1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(1.000.000.000)	-
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	140.188.943	983.774
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(859.811.057)	983.774
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay	2.838.405.944	10.486.476.641
34	2. Tiền trả nợ gốc vay	(5.634.029.815)	(5.556.191.916)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(2.795.623.871)	4.930.284.725
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(761.230.235)	6.452.929.600
60	Tiền và tương đương đầu năm	7.117.583.905	2.530.434.303
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	11.046	211.303
70	Tiền và tương đương cuối kỳ	6.356.364.716	8.983.575.206

Hoàng Thị Hằng	Hoàng Thị Hằng	Hoàng Thị Hằng
Người lập biểu	Phụ trách kế toán	Tổng Giám đốc
		Bắc Ninh, ngày 04 tháng 08 năm 2023



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kinh Đập Cầu được cổ phần hóa từ Công ty Kinh Viglacera Đập Cầu theo Quyết định số 942/QĐ-BXD ngày 14/06/2004 của Bộ Xây dựng và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 2103000093, đăng ký lần đầu ngày 03/02/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp. Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 số 01/2021/ĐHĐCĐ ngày 09 tháng 04 năm 2021, Công ty đã đổi tên từ Công ty Cổ phần Kinh Viglacera Đập Cầu thành Công ty Cổ phần Kinh Đập Cầu. Đến nay, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đã được cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 19/07/2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: phường Vũ Ninh, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Vốn điều lệ của Công ty là 300.000.000.000 VND (Ba trăm tỷ đồng chẵn), tương đương 30.000.000 cổ phần, mệnh giá 1 cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là: 04 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là: 05 người).

Tổng số nhân viên của Công ty con tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là: 79 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là: 78 người).

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất thủy tinh và sản phẩm thủy tinh;
- Sản xuất sản phẩm chịu lửa; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Tại thời điểm 30/06/2023, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty là 59,59 tỷ VND, đó lấy kê là 318,31 tỷ VND tương ứng 106,10% vốn góp của chủ sở hữu, nợ quá hạn chưa thanh toán là 47,96 tỷ VND (Thuyết minh số 12, 15, 16) và thuế quá hạn chưa thanh toán là 7,92 tỷ VND (Thuyết minh số 14). Nhưng sự kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 của Công ty vẫn được trình bày dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục vì các lý do sau:

- Công ty đang thực hiện các thủ tục để chuyển đổi mục đích sử dụng đất nhà máy kính với diện tích là 125.527 m² tại phường Vũ Ninh, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh sang đất ở nhằm khai thác hiệu quả, lợi thế khu đất và nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty;
- Giai đoạn I của Dự án "Đầu tư xây dựng nhà máy gia công kính tiết kiệm năng lượng tại KCN Yên Phong - tỉnh Bắc Ninh" gồm việc xây dựng nhà xưởng và dây chuyền gia công kính tiết kiệm năng lượng đã được bàn giao đưa vào vận hành từ tháng 1/2020. Điều này sẽ giúp Công ty tạo ra sản lượng lớn sản phẩm chất lượng;
- Công ty là Công ty con của Tổng Công ty Viglacera - CTCP nên vẫn duy trì được sự hỗ trợ về tài chính, nguồn lực, công nghệ nhân từ Tổng Công ty và các bên liên quan.

Công ty con được hợp nhất Báo cáo tài chính tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2023 là:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Loại động kinh doanh	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm thủy tinh, bán buôn kính xây dựng
Công ty TNHH MTV Lấp	Bắc Ninh	100%	100%		

Công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/06/2023 là:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm thủy tinh, bán buôn	kinh xây dựng
Công ty CP Vinafacade	Bắc Ninh	20,86%	20,86%			

2 CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán
 Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng nội quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của công ty con do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Báo cáo tài chính của công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

2.4 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;

- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các tương đương tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kê toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi ích thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phân ánh trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi ích thương mại này mà hàng năm thực hiện danh giá xem lợi ích thương mại có bị suy giảm mãi có bị suy giảm giá trị hay không.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết phát sinh trong kỳ, Công ty loại trừ phần cổ tức ưu đãi của các cổ đông khác (nếu có) nhiều ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu); số dự kiến trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của công ty liên kết; phần lãi liên quan tới giao dịch công ty liên kết góp vốn hoặc bán tài sản cho Công ty trước khi xác định phần sở hữu của Công ty trong lợi nhuận hoặc lỗ của công ty liên kết kỳ báo cáo. Sau đó Công ty điều chỉnh giá trị khoản đầu tư tương ứng với phần sở hữu trong lãi, lỗ của công ty liên kết và ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh tích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư; việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7 Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kê ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được Công ty căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban

đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã làm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tồn thất có thể xảy ra.

2.8 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.
- Đối với hoạt động sản xuất:

- + Tài Công ty mẹ: Theo Nghị quyết 01/2016/NQ-HĐQT của Hội đồng Quản trị Công ty ngày 27/01/2016, Quyết định số 09/KĐC-TCHC của Tổng Giám đốc Công ty ngày 27/02/2016 và việc dừng sản xuất dây chuyền kinh doanh van hoa 80 tấn/ngày, Công ty mẹ không phát sinh chi phí sản xuất kinh doanh dở dang từ thời điểm 28/01/2016 đến nay;
- + Tài Công ty con: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 Tài sản cố định

Tài sản cố định hình hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hình hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hình hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như danh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) trong kỳ mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc
 - Máy móc, thiết bị
 - Phương tiện vận tải
 - Thiết bị văn phòng
- 50 năm
06 - 20 năm
06 - 10 năm
09 năm

06
07
08
09
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60

Thuế hoạt động

Thuế hoạt động là loại hình thuế tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuế hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.10 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Tiền thuê cơ sở hạ tầng trả trước được phân bổ trong thời gian 36 năm. Chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa năm độ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 6 tháng đến 36 tháng.

2.11 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa năm độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.12 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, từ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.13 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí chiết khấu hàng đã tiêu thụ được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thăng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành (nếu có) (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quy) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phân ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hội tở thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hội tở sai sót trong yêu cầu các kỳ trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được phân phối theo quy định của cấp có thẩm quyền

2.15 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính
Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.16 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ là chiết khấu thương mại.

Các khoản chiết khấu thương mại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì Công ty ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì Công ty ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì Công ty ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.17 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cả nhân có liên quan, được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.18 Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tồn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.19 Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) *Chi phí thuế TNDN hiện hành*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành
 Trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất
 thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.20 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ
 đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen
 thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ
 phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nêu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối
 với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan
 của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát
 Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao
 gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng
 đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật
 thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phân quản trong quyền
 biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày
 Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình
 thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.22 Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty tập trung vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh và lắp đặt
 kinh chủ yếu là diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận
 theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2023	01/01/2023
Tiền mặt	217.089.172	257.245.899
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.086.119.739	2.219.001.019
Các khoản tương đương tiền (i)	5.053.155.805	4.641.336.987
	6.356.364.716	7.117.583.905
	VND	VND

(i) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 1 đến 3
 tháng có tổng giá trị 5.053.155.805 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại
 Thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam -
 Chi nhánh Bắc Ninh với lãi suất từ 5,7 % đến 6,0%/năm.

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2023	01/01/2023
Đầu tư ngắn hạn	1.000.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	1.000.000.000	-
	1.000.000.000	-
	Gia gốc	Gia gốc
	Dự phòng	Dự phòng
	VND	VND

(i) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, các đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng có giá trị 1.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh với lãi suất 8,4%/năm.

b) Đầu tư vào công ty liên kết

	30/06/2023	01/01/2023
Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết
	20,86%	20,86%
	826.401.344	826.401.344
	VND	VND
	20,86%	20,86%
	826.401.344	826.401.344
	VND	VND

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2023	01/01/2023
	Gia gốc	Gia gốc
	Dự phòng	Dự phòng
	VND	VND
	1.000.000.000	1.000.000.000
	(756.400.822)	(756.400.822)
	243.599.178	243.599.178
	VND	VND
	500.000.000	500.000.000
	-	-
	1.500.000.000	1.500.000.000
	(756.400.822)	(756.400.822)
	743.599.178	743.599.178
	VND	VND

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Công ty Cổ phần Kinh Dịch Cầu
 Địa chỉ: Phường Vũ Ninh,
 tp. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023
 đến ngày 30/06/2023

d) Đầu tư vào đơn vị khác

Thông tin chi tiết về các công ty đầu tư dài hạn khác của Công ty vào ngày 30/06/2023 như sau:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết chính	Hoạt động kinh doanh
Công ty Cổ phần Thương mại Viglacera	Hà Nội	3,51%	3,51%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng
Công ty Cổ phần Viglacera Delta	Bắc Ninh	2,50%	2,50%	Sản xuất các loại cầu kết kim loại, cửa an toàn, kết, cửa bọc sắt, các sản phẩm từ Plastic; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng

5 PHẢI THU NGÂN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên liên quan	4.938.793.132	(2.715.732.681)	4.829.511.438	(2.503.190.078)
Công ty Đầu tư Phát triển Hà làng	360.090.060	(209.814.166)	422.864.900	(209.814.166)
Viglacera - Chi nhánh Tông Công ty				
Viglacera - CTCP				
Công ty CP	2.390.891.076	(2.178.348.474)	2.390.891.076	(1.965.805.871)
Vinafacade				
Công ty Đầu tư Hà làng và Đô thị	596.476.660	-	596.476.660	-
Viglacera - Chi nhánh Tông Công ty				
Viglacera - CTCP				
Công ty Thị công cơ	1.284.940.295	(21.175.000)	1.112.883.761	(21.175.000)
gười Viglacera - Chi nhánh Tông Công ty				
Viglacera - CTCP				
Công ty CP Cơ khí và Xây dựng Viglacera	306.395.041	(306.395.041)	306.395.041	(306.395.041)
Bên khác	17.658.116.691	(12.699.077.578)	18.548.520.669	(12.384.521.929)
Công ty TNHH Nhật Trang	1.906.898.389	(1.906.898.389)	1.906.898.389	(1.906.898.389)
Công ty TNHH Viglacera Glasskote	1.754.289.128	(1.754.289.128)	1.754.289.128	(1.754.289.128)
Các đối tượng khác	13.996.929.174	(9.037.890.061)	14.887.333.152	(8.723.334.412)
22.596.909.823	(15.414.810.259)	23.378.032.107	(14.887.712.007)	



9 HÀNG TỒN KHO

	30/06/2023	01/01/2023
Nguyên liệu, vật liệu	15.033.159.653	(4.709.113.921)
Công cụ, dụng cụ	2.748.617.716	(1.970.822.522)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	4.618.227.630	(3.181.585.311)
Thành phẩm	12.363.084.693	(6.839.563.496)
Hàng gửi đi bán	824.776.791	(240.330.695)
Giá gốc	35.587.866.483	(16.941.415.945)
Dự phòng		
Giá gốc	37.399.824.911	(18.194.252.905)

(i) Trong đó, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang thực hiện dự án tại Dubai từ năm 2009 đến nay vẫn chưa được nghiệm thu với tổng số tiền là: 2.710.155.910 VND và chi phí sản xuất dở dang kinh doanh vẫn hóa với số tiền là: 471.429.401 VND.

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp bảo đảm các khoản vay tại thời điểm cuối kỳ là 39.266.087 VND, tại thời điểm 01/01/2023 là 6.814.550.217 VND.

10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2023	01/01/2023
Ngân hàn	24.586.250	10.667.252
Chi phí bảo hiểm	24.586.250	10.667.252
Dãi hạn	18.834.207.040	19.195.011.286
Chi phí thuê cơ sở hạ tầng tại Khu công nghiệp Yên Phong - tỉnh Bắc Ninh (i)	18.834.207.040	19.195.011.286
Giá gốc	18.834.207.040	19.195.011.286

(i) Chi phí thuê cơ sở hạ tầng tại Khu công nghiệp Yên Phong - tỉnh Bắc Ninh theo hợp đồng cho thuê lại đất giữa Công ty Kinh doanh Bất động sản Viglacera - Chi nhánh Tổng Công ty Viglacera - CTCP và Công ty TNHH MTV Lắp dựng kính Viglacera (Chi tiết tài thuyết minh số 18).

Công ty Cổ phần Kinh Đáp Cầu
Địa chỉ: Phường Vũ Ninh, tp. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

11 TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	105.326.943.226	294.990.213.314	- 2.774.751.710	956.212.840	404.048.121.090
Số dư cuối kỳ	105.326.943.226	294.990.213.314	2.774.751.710	956.212.840	404.048.121.090

	Giá trị hao mòn lũy kế				
	Số dư đầu năm				
	- Khấu hao trong kỳ				
	Số dư cuối kỳ				
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	70.862.729.980	258.499.753.443	2.244.666.700	956.212.840	332.563.362.963
Tại ngày cuối kỳ	1.130.454.500	4.846.520.232	37.863.215	-	6.014.837.947
	71.993.184.480	263.346.273.675	2.282.529.915	956.212.840	338.578.200.910
	34.464.213.246	36.490.459.871	530.085.010	-	71.484.758.127
	33.333.758.746	31.643.939.639	492.221.795	-	65.469.920.180

Công ty đang có chủ trương di dời nhà máy và chuyển đổi mục đích sử dụng đất, tài sản trên đất tại các khu đất tại phường Vũ Ninh, tp Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh (diện tích 125.527 m2) để thực hiện Dự án đầu tư khu nhà ở gồm nhà thấp tầng, chung cư, hạ tầng kỹ thuật theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018 số 01/2018/DHCD ngày 10/04/2018 và các công văn chấp thuận của Bộ Xây dựng (Công văn số 3205/NXD-KHTC ngày 19/12/2018) và Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh (Công văn số 154/UBND-TNMT ngày 23/05/2019). Tại thời điểm 30/06/2023, Dự án nêu trên chưa được phê duyệt của cấp có thẩm quyền. Nguyên giá và giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đang chờ chuyển đổi mục đích sử dụng tại thời điểm 30/06/2023 lần lượt là 302.881.785.700 VND và 19.952.465.183 VND.

- Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thẻ chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay của Công ty TNHH MTV Lắp dựng Kính Viglacera (Công ty con) tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 42.138.364.870 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 44.381.144.584 VND);
- Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 17.589.388.507VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 17.101.689.619 VND);

12 PHẢI TRẢ NGƯỜI BẠN NGÂN HẠN

	30/06/2023	30/06/2023	01/01/2023	
	Gia trị	Số có khả năng trả nợ	Gia trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Ngân hàn				
Bên liên quan	34.490.749.221	34.490.749.221	31.153.682.087	31.153.682.087
Công ty Kinh nội	5.713.632.082	5.713.632.082	4.766.313.499	4.766.313.499
Viglacera - Chi nhánh Tổng Công ty Viglacera - CTCP				
Công ty CP Viglacera Văn Hải	1.905.678.922	1.905.678.922	1.905.678.922	1.905.678.922
Công ty CP Khoảng	638.235.561	638.235.561	638.235.561	638.235.561
sản Viglacera				
Công ty CP Đầu tư và Xuất nhập khẩu	12.573.513.862	12.573.513.862	12.562.925.640	12.562.925.640
Viglacera				
Công ty CP Thương mại Viglacera	102.033.176	102.033.176	102.033.176	102.033.176
Công ty CP Tư vấn	170.000.000	170.000.000	170.000.000	170.000.000
Viglacera				
Công ty Kinh doanh Bất động sản Viglacera - Chi nhánh Tổng Công ty Viglacera - CTCP	307.772.018	307.772.018	334.406.018	334.406.018
Công ty TNHH Kinh nội	13.070.599.930	13.070.599.930	10.620.405.161	10.620.405.161
siêu trang Phú Mỹ				
Công ty Đầu tư Phát triển Hà tăng Viglacera - Công ty Viglacera - CTCP	9.283.670	9.283.670	53.684.110	53.684.110
Chi nhánh Tổng Công ty Viglacera				
Chi nhánh xăng dầu Bắc Ninh	13.812.047.586	13.812.047.586	13.812.047.586	13.812.047.586
Phải trả cho các đối tượng khác	11.694.518.870	11.694.518.870	10.526.015.836	10.526.015.836
59.997.315.677	59.997.315.677	55.583.215.509	55.491.745.509	

	30/06/2023	01/01/2023
b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
Chi nhánh xăng dầu Bắc Ninh	13.812.047.586	13.812.047.586
Công ty CP Dầu từ và Xuất nhập khẩu Viglacera	1.905.678.922	1.905.678.922
Công ty CP Viglacera Văn Hải	1.374.551.130	1.374.551.130
Công ty TNHH BMC Hà Nội	934.631.904	934.631.904
Công ty TNHH Thương mại quốc tế YADIS Hải Phòng	884.678.000	884.678.000
Công ty TNHH TM Xuất Nhập khẩu Đức Tín	6.003.062.695	6.003.062.695
Công nợ quá hạn khác	37.488.164.099	37.573.519.359
Tổng cộng	37.488.164.099	37.573.519.359
	VND	VND
	Giá trị	Giá trị
	Số có khả năng trả nợ	Số có khả năng trả nợ

13 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGÂN HẠN

	30/06/2023	01/01/2023
Doanh nghiệp tư nhân Tuấn Tân Thành Công ty TNHH sản xuất TM Dịch vụ Phụ Lục Khang	850.143.850	850.143.850
Các đối tượng khác	1.352.459.228	1.100.047.268
Tổng cộng	2.607.471.464	2.855.059.504
	VND	VND

Công ty Cổ phần Kinh Đập Cầu
Địa chỉ: Phường Vũ Ninh, tp. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm VND	Số phải nộp đầu năm VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	Số phải thu cuối kỳ VND	Số phải nộp cuối kỳ VND
Thuế giá trị gia tăng	-	572.052.980	347.172.102	600.000	-	918.625.082
Thuế thu nhập cá nhân	-	20.280.404	37.244.712	56.859.362	-	665.754
Thuế tài nguyên	-	139.612.500	-	-	-	139.612.500
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	1.625.919.722	195.127.500	-	-	1.821.047.222
Các loại thuế khác	-	6.787.619.122	35.693.713	-	-	6.823.312.835
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nợ khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
	-	9.145.484.728	619.238.027	61.459.362	-	9.703.263.393

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Số tiền thuế và số tiền phạt chậm nộp đã quá hạn của công ty tại 30/06/2023 là: 7.922.707.805 VND. (Tại ngày 01/01/2023 là: 7.887.014.092 VND).

15 PHẢI TRẢ NGÂN HÀNG KHÁC

	30/06/2023	01/01/2023
a) Ngân hàng	VND	VND
Kinh phí công đoàn	57.924.408	45.482.168
Bảo hiểm xã hội	114.169.875	18.750.660
Bảo hiểm y tế	20.147.625	3.308.940
Bảo hiểm thất nghiệp	8.954.500	1.470.640
Phải trả khác về tạm ứng	86.560.258	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.489.120.196	10.121.686.297
- Các khoản khác phải trả Viglacera - CTCP	1.198.802.778	1.198.802.778
- Phải trả lãi vay ngân hàng	2.488.778.035	2.315.934.643
- Phải trả lãi vay Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp Viglacera Yên Mỹ	595.019.996	297.507.998
- Công ty Cổ phần Viglacera Hà Long	3.004.169.000	3.004.169.000
- Tiền phát chậm nộp bảo hiểm tỉnh Bắc Ninh	1.922.987.110	1.970.003.453
- Trợ cấp nghỉ việc phải trả	935.124.167	935.124.167
- Phải trả khác	344.239.110	400.144.258
10.776.876.862	10.190.698.705	
b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
- Tổng Công ty Viglacera - CTCP	1.198.802.778	1.198.802.778
- Phải trả lãi vay ngân hàng	2.488.778.035	2.315.934.643
- Tiền phát chậm nộp bảo hiểm tỉnh Bắc Ninh	1.922.987.110	1.970.003.453
- Công ty Cổ phần Viglacera Hà Long	3.004.169.000	3.004.169.000
- Phải trả, phải nộp khác	324.456.110	342.259.910
8.939.193.033	8.831.169.784	

16 VAY VÀ NỢ

	01/01/2023		Trong kỳ		30/06/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn (i)						
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	3.848.880.041	3.848.880.041	2.837.193.006	3.848.880.041	2.837.193.006	2.837.193.006
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Bắc Ninh	2.231.924.446	2.231.924.446	-	700.000.000	1.531.924.446	1.531.924.446
Vay cá nhân	96.779.043	96.779.043	1.212.938	40.825.855	57.166.126	57.166.126
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	2.963.511.696	2.963.511.696	8.481.755.848	1.044.323.919	10.400.943.625	10.400.943.625
	9.141.095.226	9.141.095.226	11.320.161.792	5.634.029.815	14.827.227.203	14.827.227.203
b) Vay dài hạn (ii)						
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	5.927.019.394	5.927.019.394	-	1.044.323.919	4.882.695.475	4.882.695.475
Công ty CP Phát triển Khu Công nghiệp Viglacera Yên Mỹ	7.000.000.000	7.000.000.000	-	-	7.000.000.000	7.000.000.000
	12.927.019.394	12.927.019.394	-	1.044.323.919	11.882.695.475	11.882.695.475
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(2.963.511.696)	(2.963.511.696)	(8.481.755.848)	(1.044.323.919)	(10.400.943.625)	(10.400.943.625)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	9.963.507.698	9.963.507.698			1.481.751.850	1.481.751.850

Công ty Cổ phần Kinh Đập Cầu
Địa chỉ: Phường Vũ Ninh, tp. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

(i) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn và nợ dài hạn đến hạn trả:

Loại tiền	Lãi suất năm	Ngày đáo hạn	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo	30/06/2023	01/01/2023
					VND	VND
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội		2023	Bổ sung vốn lưu động	Thế chấp bằng tài sản cố định	4.426.283.578	6.177.583.530
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Bắc Ninh		2023	Bổ sung vốn sản xuất kinh doanh	Thế chấp bằng tài sản là hàng hóa tại kho Sô đa và kho số 3 của Công ty	2.837.193.006	3.848.880.041
Vay cá nhân		2023	Bổ sung vốn sản xuất kinh	Tin chấp	1.531.924.446	2.231.924.446
		2023	Bổ sung vốn sản xuất kinh	Tin chấp	57.166.126	96.779.043
		2024	Thanh toán chi phí thực hiện dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy gia công kính tiết kiệm năng lượng tại Khu công nghiệp Yên Phong - tỉnh Bắc Ninh	Thế chấp bằng tài sản hình thành từ dự án	10.400.943.625	2.963.511.696
		2024	Bổ sung vốn kinh doanh	Tin chấp	3.400.943.625	2.963.511.696
Công ty CP Phát triển Khu Công nghiệp Viglacera Yên Mỹ	VND 8,5%	2024			7.000.000.000	-
					14.827.227.203	9.141.095.226

Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm có/bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

Công ty Cổ phần Kinh Đập Cầu
Địa chỉ: Phường Vũ Ninh, tp. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

(ii) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo	
				30/06/2023	01/01/2023
Vay dài hạn				VND	VND
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	VND	Thả nổi	2024 Thanh toán chi phí thực hiện dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy gia công Kinh tiết Kiềm năng lượng tại Khu công nghiệp Yên Phong tỉnh Bắc Ninh	4.882.695.475	5.927.019.394
Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp Viglacera Yên Mỹ	VND	8,50%	2024 Bổ sung vốn kinh doanh	7.000.000.000	7.000.000.000
				<u>11.882.695.475</u>	<u>12.927.019.394</u>
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(10.400.943.625)	(2.963.511.696)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				<u>1.481.751.850</u>	<u>9.963.507.698</u>

Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm có/bảo lãnh với bên cho vay và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.



Cộng		<u>300.000.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>300.000.000.000</u>	<u>100%</u>
Tổng Công ty Viglacera - CTCP	259.225.000.000	86,41%	259.225.000.000	86,41%	
Các cổ đông khác	40.775.000.000	13,59%	40.775.000.000	13,59%	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ	
	30/06/2023		01/01/2023		

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Số dư cuối kỳ này	<u>300.000.000.000</u>	<u>43.118.293.083</u>	<u>(318.313.653.887)</u>	<u>24.804.639.196</u>
Số dư đầu năm nay	300.000.000.000	43.118.293.083	(308.855.139.711)	34.263.153.372
Lỗ trong kỳ này	-	-	(9.458.514.176)	(9.458.514.176)
Số dư cuối kỳ trước	<u>300.000.000.000</u>	<u>43.118.293.083</u>	<u>(303.189.934.203)</u>	<u>39.928.358.880</u>
Số dư đầu năm trước	300.000.000.000	43.118.293.083	(295.417.300.923)	47.700.992.160
Lỗ trong năm trước	-	-	(7.772.633.280)	(7.772.633.280)
Vốn góp của chủ sở hữu	VND	Thặng dư vốn cổ phần	VND	Lợi nhuận chưa phân phối
				VND
				Cộng

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

17 VỐN CHỦ SỞ HỮU	<u>7.000.000.000</u>	<u>595.019.996</u>	<u>7.000.000.000</u>	<u>297.507.998</u>
--------------------------	----------------------	--------------------	----------------------	--------------------

- Công ty CP Phát triển Khu Công nghiệp Viglacera Yên Mỹ	Cùng Tổng công ty	7.000.000.000	595.019.996	7.000.000.000	297.507.998
Mối quan hệ	Gốc	VND	Lãi	VND	Lãi
		30/06/2023		01/01/2023	

d) Các khoản vay đối với các bên liên quan:

- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Bắc Ninh	1.531.924.446	2.488.778.035	2.331.924.446	2.315.934.643
Gốc	VND	Lãi	VND	Gốc
	30/06/2023		01/01/2023	

c) Số vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty Cổ phần Kinh Đập Cầu	Địa chỉ: Phường Vũ Ninh, tp. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	
- Vốn góp đầu năm	300.000.000.000 VND
- Vốn góp cuối kỳ	300.000.000.000 VND
	6 tháng đầu năm 2022
	6 tháng đầu năm 2023

d) Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	30.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	30.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ Cổ phiếu	30.000.000

18 CÁC KHOẢN MỨC NGOÀI BẢNG CẦN ĐỔI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuế ngoài

Công ty ký hợp đồng thuê đất số 14/HĐ-TĐ ngày 25/02/2011 với Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh để thuê đất tại đường Cỏ Mễ, phường Vũ Ninh, thành phố Bắc Ninh với mục đích xây dựng nhà làm việc, nhà xưởng sản xuất. Diện tích khu đất thuê là 132.507 m², thời hạn thuê đất tới hết năm 2047. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đảo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Công ty con - Công ty TNHH MTV Lắp dựng kinh Viglacera thuê tài sản là nhà tầng kỹ thuật tại khu công nghiệp Yên Phong theo hợp đồng thuê số 34/2019/BĐS-HĐKT ngày 24/04/2019 và Phụ lục 01 ngày 02/03/2021 ký với Công ty Kinh doanh sản Viglacera - Chi nhánh Tổng Công ty Viglacera - Công ty Lắp dựng kinh thuê lại khu đất có tổng diện tích là 19.300 m² thuộc lô số CN22 tại Khu công nghiệp Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh để triển khai "Dự án đầu tư xây dựng nhà máy gia công kính tiết kiệm năng lượng". Thời gian thuê từ ngày 24/04/2019 đến hết ngày 17/10/2055. Tổng giá trị hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng là 26.338.710.000 VND (chưa bao gồm thuế GTGT) đã được Công ty trả trước toàn bộ (thuyết minh số 10).

b) Ngoài tế các loại

USD	
30/06/2023	795,76
01/01/2023	822,16

19 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

		Trong đó: Doanh thu bán hàng	
		Doanh thu bán hàng	Doanh thu bán thành phẩm
		- Doanh thu bán vật tư, hàng hóa	- Doanh thu bán thành phẩm
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	
		- Dịch vụ lắp đặt khung nhôm, vách kính, các loại cửa	
		- Dịch vụ cho thuê tài sản, nhà xưởng, tiền điện, nước	
6 tháng đầu năm 2023	20.273.648.934	18.843.415.721	1.430.233.213
6 tháng đầu năm 2022	24.267.967.934	23.941.284.912	150.990.810
		23.790.294.102	326.683.022
		18.843.415.721	326.683.022
		1.186.415.031	-
		243.818.182	326.683.022

Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan
 (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31)

20 CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

		Chiết khấu thương mại	
6 tháng đầu năm 2023	360.608.108		
6 tháng đầu năm 2022	912.848.614		

21 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

		Giá vốn của thành phẩm đã bán	
		- Giá vốn của thành phẩm	- Giá vốn của thành phẩm
		- Giá vốn bán vật tư, hàng hóa	- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp
		- Dịch vụ cho thuê tài sản, nhà xưởng, tiền điện, nước	
		Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	
6 tháng đầu năm 2023	19.419.270.123	20.285.475.222	386.631.861
6 tháng đầu năm 2022	20.745.014.023	20.803.222.993	99.003.783
		20.937.332.927	134.109.934
		20.285.475.222	99.003.783
		386.631.861	99.003.783
		386.631.861	99.003.783
		(1.252.836.960)	(291.322.687)

Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan
 Tổng giá trị mua vào:
 (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31)

22 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

		Lãi tiền gửi, tiền cho vay	
6 tháng đầu năm 2023	140.188.943		
6 tháng đầu năm 2022	983.774		

Công ty Cổ phần Kinh Đập Cầu
 Địa chỉ: Phường Vũ Ninh,
 tp. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Bảo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023
 đến ngày 30/06/2023

23 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Lãi tiền vay	964.444,819	709.972,009
Lô chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	10.577,176	261.847,196
Hoàn nhập giảm giá chứng khoán kinh doanh và tồn thất đầu tư	(61.163,693)	60.291,566
	913.858,302	1.032.110,771

Trong đó: Chi phí tài chính mua từ các bên liên quan
 (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31)

24 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	36.656,624	14.693,186
Chi phí nhân công	1.111,035,904	1.273,406,696
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	20.005,664	52.338,520
Chi phí khấu hao tài sản cố định	60.651,576	60.651,576
Chi phí dịch vụ mua ngoài	96.593,110	32.794,289
Chi phí khác bằng tiền	425.745,341	386.279,324
	1.750.688,219	1.820.163,591

25 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	560,167	22.302,723
Chi phí nhân công	1.459,862,991	1.931.308,731
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	9.099,929	33.448,867
Chi phí khấu hao tài sản cố định	168.319,398	168.319,398
Thuế, phí và lệ phí	559.931,746	559.931,743
Chi phí dự phòng	527.098,252	75.406,159
Chi phí dịch vụ mua ngoài	663.056,315	770.504,404
Chi phí khác bằng tiền	427.756,950	310.695,886
	3.815.685,748	3.871.917,911

26 CHI PHÍ KHÁC

6 tháng đầu năm 2023	35.794.847	68.289.029
6 tháng đầu năm 2022	3.562.697.706	3.557.924.072
	40.383.000	33.326.481
	3.638.875.553	3.659.539.582

Lãi chậm trả bảo hiểm xã hội, chậm nộp thuế và tiền phạt
 Chi phí khấu hao tài sản cố định ngừng hoạt động
 Các khoản khác

27 LẠI CƠ BÀN TRÊN CỔ PHIẾU

6 tháng đầu năm 2023	(9.458.514.176)	(7.772.633.280)
6 tháng đầu năm 2022	(9.458.514.176)	(7.772.633.280)
	30.000.000	30.000.000
	(315)	(259)

Lợi nhuận thuần sau thuế
 Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông
 Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ

Việc tính toán lại cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.
 Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên
 Tài ngày 30 tháng 06 năm 2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ
 phiếu.

28 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

6 tháng đầu năm 2023	9.984.489.878	14.272.859.540
6 tháng đầu năm 2022	4.980.318.299	5.489.144.812
	-	85.787.387
	2.452.140.241	2.458.106.897
	199.127.500	140.589.247
	527.098.252	75.406.159
	1.719.828.887	2.357.387.818
	1.548.083.143	907.336.947
	21.411.086.200	25.786.618.807

Chi phí nguyên liệu, vật liệu
 Chi phí nhân công
 Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng
 Chi phí khấu hao tài sản cố định
 Thuế, phí và lệ phí
 Chi phí dự phòng
 Chi phí dịch vụ mua ngoài
 Chi phí khác bằng tiền

29 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỨC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

a)	Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		
	Tiền thu từ đi vay theo kế ước trong kỳ	2.838.405.944	10.486.476.641
		6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
		<u>VND</u>	<u>VND</u>

b)	Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ		
	Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước trong kỳ	5.634.029.815	5.556.191.916
		6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
		<u>VND</u>	<u>VND</u>

30 NHỮNG SỰ KIẾN PHẤT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN
 Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

31 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN
 Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng công ty Viglacera - CTCP	Công ty mẹ
Công ty CP Tư vấn Viglacera	Công ty công ty
Công ty CP Thương mại Viglacera	Công ty công ty
Công ty Đầu tư Phát triển hạ tầng Viglacera - Chi nhánh Tổng Công ty Viglacera - CTCP	Công ty công ty
Công ty CP Viglacera Vạn Hải	Công ty công ty
Công ty Thị công cơ giới Viglacera - Chi nhánh Tổng Công ty Viglacera - CTCP	Công ty công ty
Công ty TNHH Kinh nổi siêu trắng Phú Mỹ	Công ty công ty
Công ty CP Khoáng sản Viglacera	Công ty công ty
Công ty CP Viglacera Hà Long	Công ty công ty
Công ty CP Phát triển Khu công nghiệp Viglacera Yên Mỹ	Công ty công ty

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

Doanh thu bán hàng			
Công ty Thị công cơ giới Viglacera - Chi nhánh Tổng Công ty Viglacera - CTCP	1.186.415.031	123.966.701	-
Công ty CP Tư vấn Viglacera	11.000.548		
	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022	
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	

6 tháng đầu năm 2023		6 tháng đầu năm 2022	
VND		VND	
Mua hàng hóa dịch vụ	7.769.470.156	11.146.404.846	
Công ty Kinh doanh Bất động sản Viglacera	83.115.450	109.749.450	
Công ty Kinh nội Viglacera - Chi nhánh Tổng Công ty	2.626.896.563	3.377.271.780	
Viglacera - CTCP	5.042.245.954	7.626.323.030	
Công ty TNHH Kinh nội siêu trắng Phú Mỹ	17.212.189	18.660.586	
Công ty Đầu tư Phát triển Hà tầng Viglacera - Chi			
nhánh Tổng Công ty Viglacera - CTCP			
Tổng Công ty Viglacera - CTCP		14.400.000	
Chi phí lãi vay	297.511.998		
Công ty CP Phát triển Khu công nghiệp Viglacera Yên	297.511.998		
Mỹ			

Thu lao, tiền lương và các khoản thu nhập khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Ban kiểm soát và người quản lý khác như sau:

Chức vụ		6 tháng đầu năm 2023		6 tháng đầu năm 2022	
VND		VND		VND	
Ông Hoàng Kim Bông	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc	-	-	-	-
Ông Hà Bá Phong	Thành viên HĐQT	-	-	-	-
Ông Đỗ Xuân Quang	Thành viên HĐQT	-	-	-	-
Ông Nguyễn Hữu Luật	Thành viên HĐQT	-	-	-	-
Ông Nguyễn Bảo Linh	Thành viên HĐQT	-	-	-	-
Bà Nguyễn Thị Cẩm Vân	Trưởng Ban kiểm soát	-	-	-	-
Ông Trần Trọng Đại	Thành viên Ban kiểm soát	-	-	-	-
Ông Phạm Văn Chương	Thành viên Ban kiểm soát	-	-	-	-
Bà Hoàng Thị Hằng	Phụ trách Kế toán	108.018.000	101.371.077	-	-

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

32 SƠ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và thuyết minh tình hình tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hàng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các phụ lục minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

Hoàng Thị Hằng
 Người lập biểu

Hoàng Thị Hằng
 Phụ trách kế toán

Hoàng Kim Bông
 Tổng Giám đốc

Bắc Ninh, ngày 04 tháng 08 năm 2023